

Bản án số: 125/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 09- 2024

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Đình Thuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Quốc Vượng

2. Bà Đặng Thị Kim Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Cao Trọng Lợi – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 26/08/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị N N P – Sinh năm 1980

Nơi cư trú: Tổ 03, ấp A S, xã Th A, huyện H Q, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh C V U – Sinh năm 1978

Nơi cư trú: Tổ 03, ấp A S, xã Th A, huyện H Q, tỉnh Bình Phước.

*(Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin vắng, bị đơn vắng mặt không có lý do).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2024, bản tự khai ngày 02/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N N P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N N P và anh C V U tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Bình Long (nay là huyện Hón Quản), tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tin tưởng nhau, hiện tại đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N N P yêu cầu được ly hôn với anh C V U.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên C M A, sinh ngày 03/12/2002; C M T, sinh ngày 02/07/2010, C Đ K, sinh ngày 27/6/2012. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Hiện tại chị P không mang thai. Khi ly hôn chị P yêu cầu nuôi 02 con chung tên C M T và C Đ K, không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Đối với con chung tên C M A đã trưởng thành nên chị P không có yêu cầu gì.

*Về tài sản:* Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.  
*Về tài sản:* Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.  
Ngoài ra, vì lý do công việc chị P yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt.

\* *Đối với bị đơn anh C V U:* Sau khi tòa án thụ lý đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh C V U không có ý kiến, cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh U.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản tham gia phiên tòa phát biểu:*

Việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản không có ý kiến gì thêm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N N P được ly hôn với anh C V U, giao con chung tên C M T, sinh ngày 02/07/2010, C Đ K, sinh ngày 27/6/2012 cho chị N N P trực tiếp nuôi dưỡng, chị N N P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đối với con chung tên C M A đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét. Án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, Điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với anh C V U có nơi cư trú tại xã Thanh An, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P, anh U là đúng quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị N N P, anh C V U là hôn nhân hợp pháp, các đương sự có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước. Chị P cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hai vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị P yêu cầu ly hôn với anh U. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản đã hòa giải đoàn tụ cũng như cho thời gian mục đích vợ chồng đoàn tụ nhưng chị P không đồng ý. Theo biên bản xác minh ngày 15/7/2024 tại xã Thanh An thì về quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh U phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau, không ai quan tâm đến ai. Như vậy có cơ sở xác định lời trình bày của chị P là đúng, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N N P chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh C V U.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên C M A, sinh ngày 03/12/2002; C M T, sinh ngày 02/07/2010, C Đ K, sinh ngày 27/6/2012 hiện tại đang ở cùng với chị P. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được nuôi 02 con chung C M T, sinh ngày 02/07/2010, C Đ K, sinh ngày 27/6/2012. Hội đồng xét xử xét thấy 02 con chung đang sống chung với chị P, ngoài ra nguyện vọng của cháu Tr, cháu Kh là sống với chị P. Do đó căn cứ nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao Hội đồng xét xử quyết định quyết định giao 02 con chung C M T, sinh ngày 02/07/2010, C Đ K, sinh ngày 27/6/2012 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng con chung và tình hình thực tế. Đối với con chung tên C M A đã trưởng thành và chị P không có yêu cầu gì nên không xem xét.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P chưa yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên cũng không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị N N P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Tại phiên Tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, các đương sự, Hội đồng xét xử và nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 01 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị N N P được ly hôn với anh C V U.

*(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 318 ngày 22/12/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Thanh An, huyện Bình Long (nay là huyện Hớn Quản), tỉnh Bình Phước).*

2. Về con chung: Giao con chung tên C M T, sinh ngày 02/07/2010, C Đ K, sinh ngày 27/6/2012 cho chị N N P trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên C M A, sinh ngày 03/12/2002 đã trưởng thành nên không xem xét.

*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.*

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P chưa yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

5. Về án phí: Chị N N P chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. theo biên lai thu số 0005379 ngày 02/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quốc Vượng

Đặng Thị Kim Tuyền

Đỗ Đình Thuyên

